

6.984 người (59,4%) quan tâm đến số liệu lĩnh vực dân số, lao động; 6.030 người (51,3%) quan tâm tới lĩnh vực xã hội và môi trường. Đây là ba lĩnh vực được người dùng tin quan tâm nhất trong thời gian tới, các lĩnh vực khác như đầu tư, xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp, dịch vụ... dao động trong tỷ lệ 45%-47%.

4. Hình thức phổ biến, cung cấp thông tin thống kê ưa thích

Trong tổng số 11.858 người chắc chắn sẽ sử dụng thông tin thống kê trong thời gian tới, có 11.767 người có ý kiến về hình thức cung cấp, phổ biến thông tin thống kê mà họ ưa chuộng², trong đó kênh Website của Tổng cục Thống kê là hình thức phổ biến thông tin được ưa chuộng nhất, với tỷ lệ 73%. So sánh với các cuộc điều tra này đã tiến hành năm 2008 và 2013³ thì đây là lần đầu tiên, Website thay thế vị trí dẫn đầu của hình thức truyền thống là các ấn phẩm được in trên giấy (tỷ lệ ưa thích là 65,1%). Các hình thức phổ biến thông tin khác như cung cấp số liệu dưới dạng đĩa CD-ROM, tổ chức các thư viện, hộp báo và phát hành thông cáo báo chí hoặc hình thức cung cấp qua điện thoại, fax, email, số người ưa chuộng đối với mỗi hình thức dao động trong khoảng 10%-19%.

Ngoài các hình thức phổ biến, cung cấp thông tin đã đề cập trên, cuộc điều tra cũng đề nghị người dùng tin đề xuất thêm các hình thức phổ biến, cung cấp khác nhằm có cơ sở để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê. Trong số 9.686 người cho biết ý kiến, có 92,8% số người cho rằng các hình thức phổ biến, cung cấp nêu trên đã là đủ, không cần phát triển thêm; có 7,2% số người cho là cần phát triển thêm các hình thức phổ biến khác, trong đó một số hình thức được đề xuất nhiều như phổ biến trên các trang mạng xã hội (facebook, zalo...); trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát thanh, truyền hình, bảng tin điện tử ngoài trời; phát triển ứng dụng cài đặt trên điện thoại thông minh; dịch vụ tin nhắn.../.

2. Một người có thể đưa ra nhiều hình thức phổ biến, cung cấp ưa chuộng.

3. Tỷ lệ ưa chuộng hình thức phổ biến thông tin qua Website năm 2008 là 51,9%; năm 2013 là 67,3%.



CẢ NƯỚC NĂM 2017

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi¹, hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta. Ở trong nước, bên cạnh các vấn đề tồn tại của nền kinh tế như chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, cùng với giá thịt lợn giảm mạnh, thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp và thách thức mục tiêu tăng trưởng năm 2017 của cả nước.

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp hiệu quả; thường xuyên đón đóc, kiểm tra kết quả thực hiện, theo dõi sát diễn biến tình hình quốc tế, có đổi sách, biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội năm 2017 tiếp tục chuyển biến tích cực và rõ nét. Kết quả các ngành, lĩnh vực trong năm 2017 như sau:

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016², khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,90% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

1 Trong tháng 10/2017, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2017 lên 3,6%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với mức 3,5% đã dự báo trong tháng 7/2017 và cao hơn hẳn mức tăng 3,2% của năm 2016.

2 Mức tăng GDP so với năm trước của một số năm: Năm 2011 tăng 6,24%; năm 2012 tăng 5,25%; năm 2013 tăng 5,42%; năm 2014 tăng 5,98%; năm 2015 tăng 6,68%; năm 2016 tăng 6,21%; năm 2017 tăng 6,81%.



Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành thủy sản có mức tăng cao nhất với 5,54% do sản xuất thủy sản năm 2017 có nhiều khởi sắc so với năm 2016, đóng góp 0,17 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 7,85%, cao hơn mức tăng 7,06% của năm 2016, đóng góp 2,23 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Điểm sáng của khu vực này là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 14,40% (là mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây³), đóng góp đáng kể vào mức tăng trưởng chung với 2,33 điểm phần trăm.

Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ đạt mức tăng 8,36% so với năm trước, là ngành có đóng góp cao nhất vào mức tăng trưởng chung (0,79 điểm phần trăm); dịch vụ lưu trú và ăn uống có mức tăng trưởng khá cao 8,98% so với mức tăng 6,70% của năm 2016, đóng góp 0,33 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,14% (mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây⁴), đóng góp 0,46 điểm phần trăm; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 4,07% (mức tăng cao nhất kể từ năm 2011), đóng góp 0,21 điểm phần trăm.

Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016. Về cơ cấu nền kinh tế năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 15,34%; khu vực

công nghiệp và xây dựng chiếm 33,34%; khu vực dịch vụ chiếm 41,32%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,00% (Cơ cấu tương ứng của năm 2016 là: 16,32%; 32,72%; 40,92%; 10,04%).

Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2017, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,35% so với năm 2016, đóng góp 5,52 điểm phần trăm (trong đó tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư đóng góp 5,04 điểm phần trăm); tích lũy tài sản tăng 9,8%, đóng góp 3,30 điểm phần trăm; chênh lệch xuất, nhập trạng nhập siêu làm giảm 2,01 điểm phần trăm của mức tăng trưởng chung.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a. Nông nghiệp

Sản lượng lúa cả năm 2017 ước tính đạt 42,84 triệu tấn, giảm 318,3 nghìn tấn so với năm 2016⁶ do cả diện tích và năng suất đều giảm so với năm trước. Diện tích lúa cả năm 2017 ước tính đạt 7,72 triệu ha, giảm 26,1 nghìn ha so với năm 2016; năng suất lúa cả năm đạt 55,5 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha.

Theo kết quả điều tra chăn nuôi, tại thời điểm 01/10/2017, đàn trâu cả nước có 2,5 triệu con, giảm 1,1% so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò có 5,7 triệu con, tăng 2,9%, đàn lợn có 27,4 triệu con, giảm 5,7%; đàn gia cầm có 385,5 triệu con, tăng 6,6%.

b. Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng tập trung của cả nước năm 2017 ước tính đạt 241,3 nghìn ha, tăng 1,2% so với năm 2016. Năm 2017 cháy rừng giảm mạnh so với năm trước. Diện tích rừng bị thiệt hại của cả nước là 1.515,6 ha, giảm 55,9% so với năm 2016, trong đó diện tích rừng bị cháy là 471,7 ha, giảm 80%; diện tích rừng bị chặt phá là 1.043,9 ha, giảm 2,9%.

c. Thủy sản

Sản xuất thủy sản năm 2017 có nhiều khởi sắc. Sản lượng thủy sản cả năm ước tính đạt 7.225,0 nghìn tấn, tăng 5,2% so với năm trước, trong đó cá đạt 5.192,4 nghìn tấn, tăng 4,8%; tôm đạt 887,5 nghìn tấn, tăng 8,8%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng cả năm ước tính đạt 3.835,7 nghìn tấn, tăng 5,2% so với năm 2016; sản lượng thủy sản khai thác ước tính đạt 3.389,3 nghìn tấn, tăng 5,1% so với năm 2016.

3. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng cao trong tháng cuối năm. Tính chung cả năm 2017, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 9,4% so với năm 2016 (quý I tăng 4%; quý II tăng 8,2%; quý III tăng 9,7%; quý IV ước tính tăng 14,4%), cao hơn nhiều so với mức tăng 7,4% của năm 2016. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 11 tháng tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2016 (cùng kỳ năm trước tăng 8,4%). Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/12/2017 tăng 8% so với cùng thời điểm năm trước, là mức tồn kho thấp nhất trong nhiều năm qua⁷. Tỷ lệ tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân 11 tháng năm 2017 là 65,9% (cùng kỳ năm trước là 66,1%).

4. Hoạt động của doanh nghiệp

a. Tình hình đăng ký doanh nghiệp⁸

Trong năm 2017, cả nước có 126.859 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.295,9 nghìn tỷ đồng, tăng 15,2% về số doanh nghiệp và tăng 45,4% về số vốn đăng ký so với năm 2016; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 10,2 tỷ đồng, tăng 26,2%⁹. Nếu tính cả 1.869,3 nghìn tỷ đồng của hơn 35,2 nghìn lượt doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong năm 2017 là 3.165,2 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 26.448 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 0,9% so với năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm lên 153,3 nghìn doanh nghiệp. Tổng số lao động

3 Mức tăng so với năm trước của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo một số năm: Năm 2011 tăng 14,08%; năm 2012 tăng 9,05%; năm 2013 tăng 7,22%; năm 2014 tăng 7,41%; năm 2015 tăng 10,60%; năm 2016 tăng 11,90%; năm 2017 tăng 14,40%.

4 Mức tăng ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm một số năm: Năm 2011 tăng 7,45%; năm 2012 tăng 5,58%; năm 2013 tăng 6,88%; năm 2014 tăng 5,83%; năm 2015 tăng 7,38%; năm 2016 tăng 7,79%; năm 2017 tăng 8,14%.

5 Mức tăng ngành kinh doanh bất động sản một số năm: Năm 2011 tăng 3,80%; năm 2012 tăng 1,32%; năm 2013 tăng 2,17%; năm 2014 tăng 2,80%; năm 2015 tăng 2,96%; năm 2016 tăng 4,00%; năm 2017 tăng 4,07%.

6 Nếu tính cả 5,13 triệu tấn ngô thì tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2017 ước tính đạt 47,97 triệu tấn, giảm 709,8 nghìn tấn so với năm 2016.

7 Cùng thời điểm năm 2013 tăng 10,2%; năm 2014 tăng 10%; năm 2015 tăng 9,5% và năm 2016 tăng 8,1%.

8 Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

9 Năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 16,2% so với năm 2015; số vốn đăng ký tăng 48,1%; vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp tăng 27,5%.

đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2017 là 1.161,3 nghìn người, giảm 8,4% so với năm 2016.

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong năm 2017 là 60.553 doanh nghiệp, giảm 0,2% so với năm trước, bao gồm 21.684 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 8,9% và 38.869 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, giảm 4,6%.

b. Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả điều tra về xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý IV/2017 cho thấy: Có 44,8% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý IV năm nay tốt hơn quý III; 18,7% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn và 36,5% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định. Dự kiến quý I/2018 so với quý IV năm nay, có 48,2% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên; 16,1% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 35,7% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định.

5. Hoạt động dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2017 ước tính đạt 3.934,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm trước (Năm 2016 tăng 10,1%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,46%, cao hơn mức tăng 8,33% của năm trước.

Vận tải hành khách năm 2017 đạt 4.081,6 triệu lượt khách, tăng 11,1% so với năm trước và 182,8 tỷ lượt khách.km, tăng 9,1%. Vận tải hàng hóa năm 2017 đạt 1.442,9 triệu tấn, tăng 9,8% so với năm trước và 268,9 tỷ tấn.km, tăng 6,8%.

Khách quốc tế đến nước ta trong năm ước tính đạt 12,9 triệu lượt người, tăng 29,1% so với năm trước.

6. Hoạt động ngân hàng:

Tính đến thời điểm 20/12/2017, tổng phương tiện thanh toán tăng 14,19% so với cuối năm 2016 (cùng kỳ năm trước tăng 16,47%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 14,5% (cùng kỳ năm 2016 tăng 16,88%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 16,96%.

7. Đầu tư

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2017 theo giá hiện hành ước tính đạt 1.667,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2016 và bằng 33,3% GDP.

Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện năm 2017 ước tính đạt 290,5 nghìn tỷ đồng, bằng 94,4% kế hoạch năm và tăng 7,2% so với năm 2016, gồm có: Vốn trung ương quản lý đạt 64,4 nghìn tỷ đồng, bằng 91,1% và tăng 3,9%. Vốn địa phương quản lý đạt 226,1 nghìn tỷ đồng, bằng 95,4% và tăng 8,2%.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/12/2017 thu hút 2.591 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 21,3 tỷ USD, tăng 3,5% về số dự án và tăng 42,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó, có 1.188 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 8,4 tỷ USD, tăng 49,2% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2017 lên 29,7 tỷ USD, tăng 44,2%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2017 ước tính đạt 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với năm 2016. Trong năm 2017 còn có 5.002 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 6,2 tỷ USD, tăng 45,1% so với năm 2016.

8. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2017 ước tính đạt 1.104 nghìn tỷ đồng, bằng 91,1% dự toán năm. Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2017 ước tính đạt 1.219,5 nghìn tỷ đồng, bằng 87,7% dự toán năm.

9. Xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ

a. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2017 ước tính đạt 213,77 tỷ USD, tăng 21,1% so với năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua¹⁰13, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 58,53 tỷ USD, tăng 16,2%; khu vực có

vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 155,24 tỷ USD, tăng 23%. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2017 tăng 17,6% so với năm 2016.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2017 ước tính đạt 211,1 tỷ USD, tăng 20,8% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 84,7 tỷ USD, tăng 17%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 126,4 tỷ USD, tăng 23,4%. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2017 tăng 17,7% so với năm 2016.

Cán cân thương mại hàng hóa tính chung cả năm 2017 xuất siêu 2,7 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 26,1 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 28,8 tỷ USD. Năm 2017 cũng ghi nhận một kỷ lục mới của xuất nhập khẩu Việt Nam khi tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu vượt mốc 400 tỷ USD.

b. Xuất, nhập khẩu dịch vụ

Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ năm 2017 ước tính đạt 13,1 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2016. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ năm 2017 ước tính đạt 17 tỷ USD, tăng 1,6% so với năm trước. Nhập siêu dịch vụ năm 2017 là 3,9 tỷ USD, bằng 29,9% kim ngạch xuất khẩu dịch vụ.

10. Chỉ số giá

a. Chỉ số giá tiêu dùng

CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12/2017 tăng 2,6% so với tháng 12/2016, bình quân mỗi tháng tăng 0,21%.

Lạm phát cơ bản tháng 12/2017 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân năm 2016.

b. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới. Chỉ số giá vàng tháng 12/2017 giảm 0,12% so với tháng trước; tăng 4,74% so với cùng kỳ năm 2016; bình quân năm 2017 tăng 3,71% so với năm 2016. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2017 tăng 0,02% so với tháng trước và giảm 0,05% so với cùng kỳ năm 2016; bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với năm 2016.

10. Tốc độ tăng kim ngạch XK hàng hóa so với năm trước các năm 2013-2017 lần lượt là: 15,3%; 13,8%; 7,9%; 9%; 21,1%.



11. Dân số, lao động và việc làm

Dân số trung bình năm 2017 của cả nước ước tính 93,7 triệu người, tăng 987,3 nghìn người, tương đương tăng 1,07% so với năm 2016, bao gồm dân số thành thị 32,9 triệu người, chiếm 35,1%; dân số nông thôn 60,8 triệu người, chiếm 64,9%; dân số nam 46,2 triệu người, chiếm 49,3%; dân số nữ 47,5 triệu người, chiếm 50,7%.

Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2017 ước tính 53,7 triệu người, tăng 416,1 nghìn người so với năm 2016. Trong đó lao động đang làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 40,3%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 25,7%; khu vực dịch vụ chiếm 34,0%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2017 là 2,24%, trong đó khu vực thành thị là 3,18%; khu vực nông thôn là 1,78%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi lao động năm 2017 là 1,63%.

12. Năng suất lao động

Năng suất lao động toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2017 ước tính đạt 93,2 triệu đồng/lao động (tương đương khoảng 4.159 USD/lao động). Tính theo giá so sánh năm 2010, năng suất lao động toàn nền kinh tế năm 2017 tăng 6% so với năm 2016, bình quân giai đoạn 2011-2017 tăng 4,7%/năm.

13. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

Năm 2017, cả nước có 181,4 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 31,7% so với năm trước, tương ứng với 746,1 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 32,1%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 22,8 nghìn tấn lương thực và hơn 1,1 tỷ đồng. Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020¹¹, tỷ lệ hộ nghèo năm 2017 ước tính 8%.

14. Giáo dục, đào tạo

Năm học 2017-2018, cả nước có gần 23 triệu học sinh, sinh viên;

trong đó gần 5,2 triệu trẻ em bậc mầm non (0,7 triệu trẻ em đi nhà trẻ và 4,5 triệu trẻ em đi học mẫu giáo); 7,8 triệu học sinh tiểu học; 5,5 triệu học sinh trung học cơ sở; 2,4 triệu học sinh trung học phổ thông và 1,8 triệu sinh viên cao đẳng, đại học.

Hiện nay, cả nước có 1.974 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm 388 trường cao đẳng, 551 trường trung cấp và 1.035 trung tâm giáo dục thường xuyên.

15. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Năm 2017, cả nước có 175,8 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (38 trường hợp tử vong); gần 102,7 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 630 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 720 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (26 trường hợp tử vong); 53 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu (3 trường hợp tử vong); 653 trường hợp mắc bệnh ho gà (5 trường hợp tử vong); 204 trường hợp nhiễm liên cầu lợn ở người (17 trường hợp tử vong);

16. Thiệt hại do thiên tai

Năm 2017, thiên tai làm 389 người chết, mất tích và 668 người bị thương; 234 nghìn ha diện tích lúa và 130,6 nghìn ha diện tích hoa màu bị ngập, bị hư hỏng. Số nhà sập đổ, cuốn trôi là 8.312, gấp hơn 1,5 lần so với năm 2016 và 588,1 nghìn nhà sập lở, tốc mái, ngập nước, gấp 1,6 lần. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai năm nay ước tính 60 nghìn tỷ đồng, gấp 1,5 lần so với năm 2016. Tính chung năm 2017, Chính phủ đã hỗ trợ hơn 14,6 nghìn tấn gạo cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai.

Năm 2018 có ý nghĩa rất quan trọng, năm bản lề quyết định việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Để hoàn thành tốt mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 đã được Quốc hội thông qua, cần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

Một là, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt góp phần ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát lạm phát. Tăng trưởng tín dụng hợp lý, kiểm soát tín dụng ở một số ngành, lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

Hai là, tăng cường kỷ luật tài chính, thực hiện nghiêm các luật thuế, phí và lệ phí; cải cách thủ tục hành chính về thuế; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại và nợ đọng thuế. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách Nhà nước.

Ba là, triển khai nhanh công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công ngay từ những tháng đầu năm. Có giải pháp khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân. Thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển bền vững, đảm bảo công khai, minh bạch; khuyến khích phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp.

Bốn là, chủ động bám sát diễn biến thời tiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng của thiên tai, bão, lũ tới sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu...

Năm là, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch, có chính sách, biện pháp thu hút hiệu quả khách du lịch quốc tế...

Sáu là, khuyến khích nhu cầu tiêu dùng trong nước. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tăng cường xuất khẩu. Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường. Xây dựng lộ trình và phạm vi điều chỉnh giá các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý giá.

Bảy là, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; công tác trợ giúp đột xuất, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời, sớm ổn định đời sống, khôi phục sản xuất./

(Lược trích Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2017 của Tổng cục Thống kê)

11. Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ.